

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2022/DS-ST
Ngày 27-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hương;
2. Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Chí Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Hữu T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.
2. Bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn B, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
2. Bà Lê Hồng T1, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm

1971; địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 7 năm 2022); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Kim Đ thống nhất trình bày:

Ông T là em ruột bà Lê Thị T3, ông Võ Văn B là chồng bà T3 là anh rể của ông bà. Năm 2018, vợ chồng ông B, bà T3 có nhờ vợ chồng ông bà thế chấp quyền sử dụng đất để vay hộ cho vợ chồng ông B, bà T3 số tiền 200.000.000 đồng. Vợ chồng ông B, bà T3 có cam kết sẽ trả lãi cho vợ chồng ông bà theo như lãi suất mà vợ chồng ông bà vay của Ngân hàng, sau đó ông T ký kết hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện T để vay tiền và ông bà đã mang tiền trực tiếp giao cho vợ chồng ông B, bà T3 số tiền mặt là 200.000.000 đồng. Vì là chị em ruột trong gia đình nên khi giao tiền hai bên không làm biên nhận giao nhận tiền với nhau. Tuy nhiên, tại các lần anh em trong gia đình tập chung lại với nhau thì ông bà có đòi tiền vợ chồng ông B, bà T3 có sự chứng kiến của các anh chị em trong gia đình và phía ông B, bà T3 cũng có hứa hẹn sẽ trả số tiền trên; sự việc này có những người trong gia đình biết. Tuy nhiên đến nay vợ chồng ông B, bà T3 vẫn chưa trả nợ cho ông bà. Ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà T3 trả cho vợ chồng ông bà số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo như lãi suất hợp đồng tín dụng mà vợ chồng ông bà vay hộ với số tiền tính đến thời điểm xét xử là 119.369.863 đồng (tính đến ngày 27/9/2022) đúng như bản kê tiền lãi từ Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Số tiền lãi phát sinh sau thời điểm này nếu phía bị đơn không tiếp tục thanh toán thì ông bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Võ Văn B, Lê Hồng T1 là ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Vợ chồng ông B, bà T1 không có nhờ vợ chồng ông T, bà Đ vay tiền ngân hàng để giao lại cho vợ chồng ông B, bà T1 cũng như không có nhận số tiền 200.000.000 đồng như trình bày của nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông đại diện ông B, bà T1 xác định ông B, bà T1 không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì liên quan đến nội dung khởi kiện của các đương sự trong vụ án và không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông T, bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà T1 trả số nợ từ việc vợ chồng ông B, bà T1 nhờ vợ chồng ông T, bà Đ vay mượn

hộ. Như vậy mặc dù vợ chồng ông B, bà T1 không trực tiếp vay mượn tài sản từ người thứ ba nhưng tiền có được là từ quan hệ vay mượn nên quan hệ tranh chấp của vụ án cũng được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B, bà T1 có nơi cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ vay mượn giữa vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Kim Đ và vợ chồng ông Võ Văn B, bà Lê Hồng T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng ông T, bà Đ cho rằng có thực hiện việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng và lấy tiền về cho vợ chồng ông B, bà T1 mượn theo yêu cầu vợ chồng ông B, bà T1 với thỏa thuận bị đơn có trách nhiệm thanh toán lại tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh đối để vợ chồng ông T, bà Đ thực hiện nghĩa vụ lại với Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, vợ chồng ông B, bà T1 đã không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận và tranh chấp phát sinh. Nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bằng việc chứng minh khoản vay vốn ngân hàng là thực tế có xảy ra và lời khai của người làm chứng có biết về khoản nợ nêu trên. Theo đó, ông Lê Hữu T và bà Lê Hồng T1 là chị em ruột, những người làm chứng trong vụ án gồm ông Lê Hoàng D, bà Lê Thúy N, bà Lê Hồng C, ông Lê Ánh H, Lê Thị T4 đều là anh chị em ruột trong gia đình ông T, bà T1. Ngoài ra người làm chứng còn có chị Trần Bé M là người làm công cho vợ chồng ông B, bà T1; chị Phan Triều T5 là con dâu trong gia đình vợ chồng ông B, bà T1, ông Từ Văn V là Bí Thư chi bộ thuộc ấp nơi các đương sự cư trú. Xét thấy những người làm chứng không có mâu thuẫn gì với nguyên đơn, bị đơn, đều có mối quan hệ anh em ruột với cả nguyên đơn, bị đơn; tại phiên tòa, phía đại diện bị đơn xác định lời khai của những người làm chứng là không khách quan nhưng ông không chứng minh được tính không khách quan trong lời khai của những người làm chứng mà Tòa án thu thập cũng như không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ gì khác trong vụ án. Do đó lời khai của những người làm chứng vẫn được xác định là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào tại thời điểm xét xử vụ án nên việc giải quyết vụ án sẽ dựa vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được.

[3] Qua lời khai của những người làm chứng thể hiện, vợ chồng ông Võ Văn B, bà Lê Hồng T1 có nhờ vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Kim Đ vay vốn cho vợ chồng ông B, bà T1 làm ăn. Tuy việc giao nhận tiền anh em trong gia đình không biết nhưng những dịp tụ họp gia đình thì vợ chồng ông T, bà Đ có đề cập đến việc trả nợ và vợ chồng ông B, bà T1 có thừa nhận số nợ nhờ vay hộ là 200.000.000 đồng và hứa sẽ trả. Ngoài ra, chị Trần Bé M là người làm công của ông B, bà T1 cũng như lời khai của chị Phan Triều T5 là con dâu của bị đơn (tại thời điểm nhận tiền) trình bày có chứng kiến vợ chồng ông T, bà T1 đem tiền đến nhà giao cho vợ chồng ông B, bà T1 mượn, vợ chồng ông B, bà T1 xác nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng và tiền này có từ việc vợ chồng ông B, bà T1 nhờ nguyên đơn vay hộ tại Ngân hàng. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận việc vợ chồng ông B, bà T1 nhờ

vợ chồng ông T, bà Đ vay mượn 200.000.000 đồng tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau là có thật. Vợ chồng ông B, bà T1 nhờ vay hộ dựa trên hợp đồng có lỗi nên vợ chồng ông bà cũng phải trả lại cho bên vay hộ là vợ chồng ông T, bà Đ. Theo bản kê gốc lỗi mà Ngân hàng cung cấp, xác định từ ngày vay 05/6/2018 đến nay, số tiền lãi phát sinh là 119.369.863 đồng. Áp dụng Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, buộc vợ chồng ông B, bà T1 trả cho vợ chồng ông T, bà Đ 200.000.000 đồng tiền gốc và 119.369.863 đồng tiền lãi là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông B, bà T1 phải chịu là án phí dân sự sơ thẩm nhưng vì ông bà là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của vợ chồng ông T, bà Đ được chấp nhận nên ông bà không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 12, 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Võ Văn B, bà Lê Hồng T1 trả cho vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Kim Đ 319.369.863 (ba trăm mười chín triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba) đồng, trong đó bao gồm 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tiền gốc và 119.369.863 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Vợ chồng ông Võ Văn B, bà Lê Hồng T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Kim Đ 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004864 ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp